

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN KIẾN AN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2024/HNGĐ-ST

Ngày 24-5-2024

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN KIẾN AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Quốc Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Văn Lầy.

2. Ông Nguyễn Công Biên.

- Thư ký phiên toà: Ông Nông Hoàng Mạnh, Thư ký Toà án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Lương Quỳnh Trang- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Q, sinh năm 1986; nơi cư trú: phường L, quận K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Duy T, sinh năm 1984; nơi đăng ký thường trú: phường L, quận K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là bà Phạm Thị Q (qua đơn khởi kiện, bản tự khai) khởi kiện với nội dung: Bà kết hôn với ông Nguyễn Duy T trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Quán Trữ, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng vào ngày 15 tháng 9 năm 2005. Sau khi đăng ký kết hôn, bà và ông T chung sống tại phường Lãm Hà, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Ông T nghiện ma túy và đi cai nghiện năm 2010 đến năm 2012 nhưng không từ bỏ được ma túy. Bà và

gia đình đã nhiều lần khuyên bảo nhưng ông T vẫn sử dụng ma túy. Từ đó vợ chồng bất hòa, việc ai người đó làm, không còn quan tâm đến nhau. Cuộc sống vợ chồng không còn tình cảm, hai vợ chồng cũng đã trao đổi đi đến ly hôn. Cuối năm 2023, ông T bị Công an huyện Thủy Nguyên thành phố Hải Phòng bắt vì tàng trữ trái phép chất ma túy và hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an thành phố Hải Phòng. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông T. Bà và ông T không có 02 con chung là Nguyễn Duy Th, sinh ngày 12/4/2006 và Nguyễn Khánh N, sinh ngày 02/9/2014. Bà đề nghị Tòa án giao cho bà trực tiếp nuôi 02 con và không yêu cầu ông T cấp dưỡng cho con. Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng với ông T. Bà có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn là ông Nguyễn Duy T (qua bản tự khai) thể hiện ý kiến, quan điểm: Đồng ý với ý kiến của bà Phạm Thị Q về nội dung quan hệ hôn nhân và con chung. Về việc bà Q nộp đơn xin ly hôn, ông đồng ý vì vợ chồng cũng đã trao đổi thống nhất ly hôn. Hiện ông đang bị tạm giam nên ông đề nghị giao 02 con chung cho bà Q trực tiếp nuôi. Ông cũng chưa có điều kiện cấp dưỡng cho con. Ông không đề nghị chia tài sản chung với bà Q. Ông đề nghị xét xử vắng mặt.

Nguyên vọng của cháu Nguyễn Duy Th và cháu Nguyễn Khánh N muốn được ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn.

Tại phiên toà, về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xử cho bà Phạm Thị Q ly hôn với ông Nguyễn Duy T; giao cho bà Phạm Thị Q trực tiếp nuôi 02 con chung; bà Phạm Thị Q có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án

Bà Phạm Thị Q xin ly hôn với ông Nguyễn Duy T là vụ án Hôn nhân gia đình về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông T là bị đơn, nơi thường trú tại quận Kiến An, thành phố Hải Phòng nên Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt nguyên đơn và bị đơn

Bà Phạm Thị Q và ông Nguyễn Duy T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về nội dung nguyên đơn khởi kiện ly hôn đối với bị đơn

[3.1] Bà Phạm Thị Q và ông Nguyễn Duy T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn và có đăng ký, được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chứng nhận kết hôn. Kết hôn giữa bà Q và ông T là hợp pháp. Do không còn tình cảm vợ chồng, bà Q yêu cầu được ly hôn với ông T. Ông T cũng xác định vợ chồng không còn tình cảm và đồng ý ly hôn. Điều này chứng minh mâu thuẫn giữa bà Q và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Q ly hôn ông T.

[3.2] Bà Q và ông T có 02 con chung là Nguyễn Duy Th, sinh ngày 12/4/2006 và Nguyễn Khánh N, sinh ngày 02/9/2014. Xét đề nghị của bà Q, ông T và nguyện vọng của 02 con chung, căn cứ vào các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao cho bà Phạm Thị Q trực tiếp nuôi 02 con chung khi ly hôn.

[3.3] Bà Q không yêu cầu ông T cấp dưỡng cho con. Ông T hiện chưa có điều kiện nên Hội đồng xét xử không buộc ông T phải cấp dưỡng cho con.

[3.4] Bà Q và ông T không đề nghị Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm

Bà Phạm Thị Q là nguyên đơn xin ly hôn nên phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Phạm Thị Q ly hôn với ông Nguyễn Duy T.

- Giao cho bà Phạm Thị Q trực tiếp nuôi 02 con chung là Nguyễn Duy Th, sinh ngày 12/4/2006 và Nguyễn Khánh N, sinh ngày 02/9/2014 trực tiếp nuôi

dưỡng, chăm sóc đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, trừ trường hợp pháp luật quy định khác.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Việc cấp dưỡng cho con, các bên tạm thời chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bà Phạm Thị Q phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp (theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004798 ngày 20/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Kiến An, thành phố Hải Phòng), bà Phạm Thị Q đã nộp đủ án phí.

Bà Phạm Thị Q và ông Nguyễn Duy T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- UBND phường Quán Trữ, Q Kiến An, TP. Hải Phòng (GCNKH số 49 ngày 16/11/2021);
- TAND, VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận Kiến An;
- Chi cục THADS quận Kiến An;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án..

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quốc Phương